**Luân Tâm**

Đường vào thơ...

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Đường vào thơ...](" \l "bm2)

**Luân Tâm**

Đường vào thơ...

Tôi vốn là một kẻ quê mùa, áo nâu chân đất đầu trần, được sinh ra ở một làng quê bé nhỏ hiền hoà cuả một tỉnh khiêm nhường bên bờ Tiền Giang: “xứ dừa” Bến Tre!   
  
Cha mẹ tôi quanh năm suốt tháng chỉ biết quanh quẩn bên khu vườn, thửa ruộng “trông trời, trông đất, trông mây... trông mưa, trông gió...” Vì thế, tuổi ấu thơ của tôi đã được che chở, bao bọc, bồng bềnh nhẹ trôi trên những câu hò điệu hát dân gian ở những buổi cấy gặt, đình đám, hội hè, ở những tiếng ru em thực êm đềm, vời vợi, buồn buồn xa xôi.   
  
Mẹ tôi dạy con toàn bằng tục ngữ, ca dao! Vừa lọt lòng, hằng ngày Mẹ đã cho tôi uống mãi dòng suối trong mát tuyệt vời đó cùng với dòng sữa ngọt ngào, thiêng liêng, hiền dịu nhất của Mẹ. Tôi không còn nhớ rõ từ lúc nào đã thuộc lòng những câu ca dao thực đơn sơ, mộc mạc nhưng cũng thực đẹp như:   
  
- Gió đưa cây cải về trời,   
Rau răm ở lại chiụ lời đắng cay!   
- Chim quyên xuống đất tha môì,   
Thấy em đau khổ, đứng ngồi không yên!   
  
Hay các câu tục ngữ thực thâm thúy:   
  
- Có qua có lại mới toại lòng nhau   
- Ăn coi nồi, ngồi coi hướng   
- Múa rìu qua mắt thợ   
- Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài!   
  
Hoặc các câu hát ru em đầy tình nghĩa nhưng cũng ít nhiều u uẩn   
đượm buồn:   
  
- Chiều chiều ra đứng ngõ sau,   
Ngóng về quê Mẹ ruột đau chín chiều!   
- Thiếp thương phận thiếp còn thơ,   
Lấy chồng xa xứ bơ vơ một mình!   
- Anh buồn có chốn thở than,   
Em buồn như ngọn nhang tàn thắp khuya!   
  
Còn Ba tôi thì bắt đầu dạy tôi học vỡ lòng lúc gần tròn 5 tuổi. Khi vừa tập đọc, tập viết đựơc khá một chút, ngoài quyển “Quốc Văn Giáo Khoa Thư” rất hay, rất nổi tiếng của cụ Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận, mỗi trưa, mỗi tối, tôi đều phải đọc cho Ba tôi nghe mấy chuyện đời xưa của Trương Vĩnh Ký, chuyện Giải Buồn của Huỳnh Tịnh Cuả, vài đoạn thơ Lục Vân Tiên, truyện cổ tích viết thành thơ lục bát như Con Tấm Con Cám, Thạch Sanh Lý Thông, Phạm Công Cúc Hoa, Lâm Sanh Xuân Nương, Chàng Nhái Kiểng Tiên... do nhà Phạm Văn Tươi xuất bản. Sau đó đến các bộ Truyện Tàu như Tây Du Ký, Phong Thần, Tam Quốc Chí, Thuyết Đường, Nhạc Phi... Qua các truyện tích trong đó, những lúc theo Ba dọn vườn, làm ruộng, thả trâu, cộ rơm, tôi còn được Ba giảng dạy thêm cho nhiều điều hay lẽ phải, luân thường đạo lý thực tiễn ở đời...   
  
Thói quen đọc sách, mê đọc sách đó đeo đẳng tôi suốt đời. Bởi vậy, khi vừa vào ngưỡng cửa Đaị Học Văn Khoa Sàigòn, ân sư Vương Hồng Sển, đồng bệnh mọt sách, thuộc nhiều Truyện Tàu, đã dành cho tôi một cảm tình rất đặc biệt đến nỗi nhiều lần nói công khai: “Nếu mình có con gái thì đã chọn thằng nầy làm rể đông sàng rồi!” (1)   
  
Tôi không làm sao quên được nếp sống đẹp, những sinh hoạt mộc mạc, lành mạnh, hiền hòa, những phong cảnh đơn sơ nhưng muôn màu sắc ở thôn quê như bướm vờn cỏ hoa, ếch nhái hòa nhạc buồn đêm mưa, như bình minh nắng ấm chim ca; trưa hè đưa võng buồn xa ve sầu! Chiều tàn thơ thẩn luà trâu; Cò qua ruộng luá, sáo nâu bay về! Cu kêu, gà gáy mỏi mê; tắm mưa, giỡn bóng trăng quê hữu tình! Mây trôi gió thoảng ru mình; hoàng hôn khói ấm mái tranh mơ màng... Lập lòe đom đóm hiền ngoan; soi đường dế nhủi, soi hang dế mèn...!   
  
Vừa hơn 7 tuổi, tôi đã phải đi học xa nhà, xa Cha Mẹ, lang thang hết gác trọ nấy đến gác trọ khác, vừa ngơ ngác nhìn ánh đèn điện hắt hiu bé nhỏ cuả tỉnh lỵ Bến Tre đến “đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu” rồi chợt bàng hoàng lạc lõng với “đèn Sàigòn ngọn xanh ngọn đỏ"! Cũng trong lúc đó, có một bóng dáng bé bỏng, dịu hiền, ngây thơ, xinh đẹp ở làng kế bên mà lần đầu tiên được gặp gỡ, tôi đã có linh cảm mơ hồ rằng mình không sao học, vui sống được nếu hình bóng quá yêu kiều mong manh đó vụt biến mất, cho dù lúc đó tôi còn quá nhỏ để có thể hiểu tình cảm đó là gì! Nàng đúng là nàng Tiên dễ thương trong trí tưởng tượng cuả tôi khi đọc các truỵên cổ tích thần tiên và đã thường ghé thăm tôi trong những giấc mơ đầu đời thực trong trắng nhưng cũng thực lãng mạn! Từ đó, Nàng đã lớn dần, tiếp tục học cùng cấp, cùng lớp, cùng trường với tôi từ Tiểu Học đến Đại Học. Nàng chính là hồn thơ, Nàng Thơ xinh đẹp tuyệt vời, người bạn đời đã hẹn từ muôn kiếp, người vợ hiền thục đảm đang, thủy chung, gương mẫu, người cháu ruột (dư!) của Bà Tú Xương còn sót lại mà Trời Phật, Tổ Tiên đã thương dành cho tôi!   
  
Học Trung Học Công Lập Bến Tre đến hết năm đệ tứ (lớp 9 ngày nay) vừa lên 16 tuổi, tôi phải chuyển qua Trung Học Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho học lớp đệ tam (lớp 10 ngày nay). Trong năm nầy tôi may mắn được học Việt văn với thi sĩ Thế Viên, tác giả Thi Tập “Người Yêu Tôi Khóc". Ngay đầu năm học nhà thơ đã giới thiệu Thi Tập đầu tay cuả Thầy cho môn sinh. Thi Tập “Người Yêu Tôi Khóc” và phong cách rất nghệ sĩ của Thầy đã gây cho tôi nhiều thích thú. Tôi cảm thấy thi nhân và thơ cũng có vẻ sống thực, gần gũi với mình thêm một chút! Bài “Người Yêu Tôi Khóc", chủ đề của tập thơ, làm tôi rất thán phục! Theo dư luận một số giáo sư và học sinh lớn thì động cơ chính của bài nầy là một hoa khôi nữ sinh con nhà giàu, học cùng một cấp (nhưng khác lớp) với Nàng Tiên của tôi! Tôi còn nhớ được mấy câu:   
  
“Người yêu tôi khóc hôm qua,   
Má hồng lệ nhỏ, tay ngà chìm sao!   
Tóc trôi mây nước thuở nào,   
Đem bao tâm sự mà trao ân tình   
Tôi còn gối mộng thư sinh,   
Nỗi riêng, riêng nghĩ một mình mà đau...”   
(NYTK, Thế Viên)   
  
Trong khi đó, Nàng Thơ học Trường Nữ Trung Học Mỹ Tho (2) đối diện ngay Trường Nguyễn Đình Chiểu của tôi, chỉ cách lòng đại lộ Hùng Vương mà thôi. Dường như Trời Phật cũng thương cảm cho mối tình si vô bờ bến của tôi nên đã cho tôi thêm một cơ hội kỳ thú: năm đệ nhất, chuẩn bị thi Tú Tài II, chúng tôi đều học cùng Ban B (Khoa Học Toán), chung môn Toán Hình Học với một giáo sư rất nổi tiếng là Thầy Trần Văn Ất. Thầy bắt buộc các lớp Đệ Nhất B hai trường trao đổi bài vở cho nhau để có thêm đuợc nhiều bài tập ôn thi. Tôi như trúng số độc đắc, được dịp danh chánh ngôn thuận thường xuyên lân la đến thăm Nàng Thơ ở nhà trọ theo lệnh của vị ân sư quá tốt bụng nầy!   
  
Ngoài công ơn gián tiếp se duyên cho vợ chồng tôi, Thầy Trần Văn Ất còn tác động mạnh mẽ vào tâm hồn lãng mạn, thêm sức sống cho hồn thơ tôi bằng cách giới thiệu tác phẩm “Đời Phi Công” của Nguyễn Xuân Vinh (Lúc đó là Tư Lệnh Không Quân VNCH, người cùng có Bằng Tốt Nghiệp Toán Hình Học Cao Cấp ở Paris như Thầy, gửi tặng). Đây là những bức thư tình thực đẹp, thực trong sáng, thực lãng mạn, có lẽ chưa từng có trong Văn Học Sử Việt Nam mà rất nhiều thanh niên thời đó, các bạn tôi đã dùng gối đầu giường để “ăn cắp, cắt xén” thậm chí “sao y bản chính” để quyến rủ, dỗ ngọt các người đẹp!   
  
Trong “Thi Nhân Việt Nam”, khi nhận xét về nhà thơ Lan Sơn, Hoài Thanh Hoài Chân đã buông một câu ngắn ngủi nhưng thật sâu xa đẹp tuyệt vời như thơ: “một buổi sáng kia, tình yêu đã đến với Lan Sơn và người học trò ấy bỗng thành thi sĩ” (Thi Nhân Việt Nam, Hoài Thanh Hoài Chân, Xuân Thu xb, CA/USA, tr. 83). Câu nói đó lần đầu tiên tôi được nghe ân sư Nguyễn Khắc Hoạch, Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa Sàigòn đọc khoảng năm 1962 nhưng hình như nó đã bất chợt lãng đãng gần xa đâu đây trong tôi từ rất lâu khi vừa biết mơ mộng thẩn thờ thao thức vì tà áo trắng học trò quá đơn sơ hiền dịu của Cô Bé Làng Bên, Nàng Thơ bé bỏng của tôi!   
  
Bởi vậy tôi đã viết:   
Hò hẹn hay không vẫn đợi chờ   
Yêu em anh bỗng biết làm thơ   
Xin thời gian giữ nguyên màu má   
Để nghĩ rằng em chẳng hững hờ...   
(Tình Tứ, L.Tâm)   
  
Tôi thực không biết làm sao có được đầy đủ lời lẽ hay nhất, đẹp nhất, xứng đáng nhất tận đáy lòng để cám ơn Nàng! Giữa hai chúng tôi có một “nhịp cầu tri âm” rất vững chắc, rất đáng tin cậy là Ngô Bá Phước, người bạn thân cùng tuổi tác, cùng lớp, cùng trường, đồng thời lại là em họ của cả hai chúng tôi (Nàng gọi mẹ N.B. Phước bằng dì ruột. Tôi gọi ba N.B.Phước bằng chú họ!) Do đó, tôi đã may mắn có nhiều dịp gặp Nàng ở nhà N.B.Phước, đã từng ở trọ rất gần nhau bên bờ hồ Bến Tre thơ mộng, từng về quê cùng một chuyến xe, một chuyến đò, từng chào hỏi, chuyện trò... bâng quơ! Lúc còn ở Trung Học Công Lập Bến Tre, đôi lần N.B.Phước còn rủ tôi sang lớp “Chị Tư Luân” để mượn tập, mượn sách nữa! Hình bóng quá dịu hiền, đơn sơ, trong trắng, đẹp như tiên nửa thực nửa mơ của Nàng, không biết từ bao giờ, đã nhẹ nhàng đi sâu vào tâm hồn rất mong manh, rất lãng mạn của tôi! Tôi đã thao thức nhiều đêm, đã có những giấc mơ tuyệt vời như Nguyên Sa nói: “....Và nghe em ghé vào giấc mộng.... Vành nón nghiêng buồn trong gió đưa...” (Tương Tư, Nguyên Sa).   
  
Từ đó, tôi bỗng nhiên biết làm thơ... tình học trò! Rất tiếc số thơ nầy đã thất lạc hết trong khói lửa. Có lần nhân đọc hai câu thơ của Nguyễn Bính:   
Nhà nàng ở cạnh nhà tôi,   
Cách nhau cái giậu mồng tơi xanh rờn!   
Nghĩ đến hoàn cảnh mình, tôi liền bắt chước, nắn nót được hai câu mà chưa bao giờ dám khoe với Nàng Thơ:   
Làng Nàng ở cạnh làng tôi,   
Cách nhau vườn ruộng mưa rơi nắng buồn!   
Tôi thực vô cùng hạnh phúc được tiếp tục học chung với Nàng tại Đại Học Văn Khoa Sàigòn với:   
  
Hè sang phượng đỏ sân trường,   
Thay màu áo mới tơ vương gót hồng!   
...   
Lối vào thư viện thân quen,   
Dư hương còn đó êm đềm tiếng ai?   
(Thẩn Thờ, L.Tâm)   
  
Những hình bóng, cảnh vật thơ mộng êm đềm của quê tôi, những câu tục ngữ, ca dao, câu hò, điệu hát ru em, truyện cổ tích, Truyện Tàu đã nhập vào huyết quản tôi từ tháng ngày thơ ấu, nay có điều kiện thuận lợi nên đã hòa nhập rất dễ dàng vào khu vườn thơ văn, kinh sử muôn sắc muôn hương với quý vị Khoa Trưởng thực tài hoa, thừa tâm huyết như Giáo Sư Nguyễn Khắc Hoạch, Nguyễn Đăng Thục, quý ân sư nửa cổ nửa kim, nửa thực nửa thơ như Đông Hồ, Nguyễn Văn Trung, Vương Hồng Sển, Lê Ngọc Trụ, L.M Thanh Lãng, Trần Trọng San, Nguyễn Khắc Kham, Bửu Cầm, Nghiêm Toản, Nguyễn Đình Hoà, Phạm Thị Tự, Trần Quang Thuận, Trần Anh, Vũ Quốc Thông ...v.v...   
  
Trong môi trường đó, tình yêu của chúng tôi cũng được lớn nhanh dù vẫn trong vòng lễ giáo truyền thống của hai gia đình:   
"Mười năm chưa được cầm tay,   
Đêm đêm mơ tưởng tiếng ai gọi mình...”   
(Áo Bay, L.Tâm)   
Chúng tôi đã sống trong những tác phẩm văn học nổi tiếng thời cổ điển, tiền chiến, hiện đại, những chuyện tình lãng mạn, những vần thơ, điệu nhạc trữ tình, những ray rứt về hoàn cảnh sống khó khăn của gia đình, về tương lai bấp bênh ảm đạm của bản thân và bè bạn, những đau đớn, dằn vặt kinh hoàng không nguôi của khói lửa chiến tranh càng lúc càng dữ dội ác liệt tàn phá quê hương hiền hoà, đốt cháy tan nát quê Mẹ khốn khổ dấu yêu…không gian an bình nương náu cuối cùng như thu hẹp quá nhanh chóng sững sờ! Nếu không có Nàng, chắc chắn tôi sẽ không có gì cả, thậm chí tôi cũng không còn là tôi nữa! Với Văn Khoa Sàigòn, chúng tôi đã dần đần hiểu rõ thế nào là sự cần thiết trong tình yêu, trong cuộc sống, đã “Nép vào nhau đỡ tủi thân...". Do đó, chúng tôi càng chăm chỉ học hành và đọc sách nhiều hơn nữa. Có lẽ Nàng đọc sách để học thi, để rộng tầm tri thức. Còn tôi thì đọc sách để kể chuyện cho Nàng nghe và cũng vì “thư trung hữu mỹ nử” (trong sách có người đẹp) như cổ nhân đã dạy!   
Chỗ trọ thường xuyên của chúng tôi là Thư Viện Đại Học Văn Khoa Sàigòn, Thư Viện Quốc Gia, Tổng Thư Viện, các tiệm sách lớn như Khai Trí, Xuân Thu, các lề đường Lê Lợi, Lê Văn Duyệt, Trần Quý Cáp, các tiệm cho thuê, bán sách cũ... để tìm mua các sách báo cần thiết mà rẻ tiền! Chúng tôi thường thích đi thơ thẩn thả hồn vào bóng mát dịu hiền của Vườn Tao Đàn, Vườn Bách Thảo (Sở Thú), những đoạn đường thơ mộng yên tĩnh Nguyễn Du, Lê Thánh Tôn, Cương Để, Duy Tân, Trần Quý Cáp, Lê Văn Duyệt... Hình như hầu hết các đề tài chính của những buổi gặp gỡ, hẹn hò rất dễ thương bé nhỏ đó đều là thơ   
văn và học hành thi cử mà thôi:   
"Cười nói bâng quơ cũng ngọt ngào,   
Bao lần ngơ ngác tưởng chiêm bao..."   
(Một Chút Son Môi, L.Tâm)   
Đó chính là niềm hạnh phúc thực đơn sơ nhưng cũng thực lớn lao đầm ấm tuyệt vời cuả chúng tôi trong thời gian rất dài! Tôi làm sao có thể quên được những phút giây thần tiên hư ảo cuối tuần được gặp Nàng ở phòng khách nhỏ bé của ngôi nhà trọ khiêm nhường, được hân hạnh đọc cho Nàng nghe rồi say mê diễn giải bằng tất cả tâm hồn mình những câu, những bài thơ tình bất hủ cuả Nguyên Sa, Xuân Diệu, Đinh Hùng? Mái tóc nghiêng nghiêng chấm vai, đôi mắt mở thật to như châm chú, thán phục, cho tôi biết bao mơ mộng tuyệt vời làm động cơ chính yếu nhất giúp tôi phấn đấu không mệt mỏi để vượt qua đoạn đường bút nghiên đầy gian khổ, trong điều kiện một thư sinh quá quê mùa, nghèo nàn, lạc lõng! Hết sức cám ơn Nguyên Sa đã gián tiếp buộc chặt thêm sợi tơ hồng cho vợ chồng tôi, đã nói hộ tôi:   
"Gặp một bữa anh đã mừng một bữa,   
Gặp hai hôm thành nhị hỷ của tâm hồn,   
…   
Em chưa nói đã nghe lừng giai điệu,   
Em chưa nhìn mà đã rộng trời xanh,   
Anh trông lên bằng đôi mắt chung tình   
Với tay trắng em vào thơ diễm tuyệt"   
(Áo Lụa Hà Đông, Nguyên Sa)   
Năm 1967, khi mới vào học Ban Cao Học, Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, vừa xuống đến Ba Xuyên (Sóc Trăng) để tập sự, tôi đã vội vàng đánh điện tín về cho Nàng Thơ vỏn vẹn có ba chữ “Anh Trông Lên” (lấy ý đoạn thơ vừa kể trên). Các bạn nữ sinh cùng nhà trọ đã tinh nghịch giành lấy bức điện tín, suốt cả giờ vẫn không tài nào “giải mã” được, cuối cùng đành phải trả   
lại, xin Nàng Thơ “bật mí”! Nàng đã chìu các bạn sau khi được đền bù thiệt hại bằng một tiệc chè sâm bổ lượng! Trải qua bao nhiêu binh lửa, tang thương, đến nay Nàng vẫn còn giữ được nguyên vẹn bức điện tín quý báu đặc biệt để làm bằng chứng đánh dấu một giai đoạn cực kỳ lãng mạn, đầm ấm, nồng nàn tuyệt vời của chúng tôi! Chúng tôi chỉ đơn sơ như vậy thôi! Cho nên tôi đã viết:   
Anh chẳng biết đàn, chẳng biết ca,   
Đọc thơ thiên hạ để làm quà   
Cho em những lúc em không giận...   
Em cũng mừng vui, cũng thiết tha!   
(Liêu Trai, L.Tâm)   
Thời gian nầy, có lẽ hồn thơ trong tôi đã được chấp cánh đến tận chín tầng mây xanh! Nhưng hầu như tôi không dám làm thơ. Vì mỗi khi cầm bút lên, mới lựa được một từ, một ý tạm xem là được thì nhận ra đã có người khác viết rồi mà còn hay hơn mình rất nhiều! Tôi giật mình, tự hổ thẹn, cụt hứng!   
Phút giây đó cho tôi vô cùng đồng cảm với Lý Bạch khi Ông đến viếng Hoàng Hạc Lâu định đề thơ kỷ niệm, chợt trông thấy đã có bài thơ bất hủ của Thôi Hiệu rồi: Lý thi tiên cũng đành mang bút đi tìm chỗ khác thôi!   
Thực ra, thỉnh thoảng khi có nhiều xúc cảm vui buồn nơi gác trọ nửa khuya, tôi cũng có làm ít bài ghi vào nhật ký riêng mà cho đến khi cưới nhau rồi vẫn còn chưa dám khoe với Nàng Thơ hiền ngoan của mình! Ngày 6-9-1964, nhân một hiểu lầm nho nhỏ, tôi đã “lén giận” Nàng, nên có mấy dòng thơ... thất tình:   
Nghìn năm đất lạnh ra đi,   
Con tàu vĩnh biệt không ghi lối về!   
Hay là lo sợ, dặn dò, năn nỉ:   
Đừng mộng ngoài vòng tình yêu anh,   
Màu má màu môi nhớ để dành,   
Đêm đông đừng ngủ quên... cười đẹp   
Mà ở trong lòng em vắng anh!   
Có bốn câu tôi đã làm vì xúc động thấy Nàng Thơ mang đôi bao tay màu xám của tôi tặng nhân dịp Nàng mới mua chiếc Vélo Solex. Tôi đã ghi vào trang đầu quyển Luận Văn Tốt Nghiệp Cao Học Hành Chánh:   
Ngày không gặp dài như thân áo mới,   
Vướng guốc nhung làm tội gót chân hồng,   
Gants tay xám như muà thu đứng đợi,   
Những chiều mưa đi học lạnh đau lòng! (3)   
Năm 1970, khi thành hôn xong, thỉnh thoảng vợ tôi hay nhắc tôi thử làm thơ, viết văn nhưng vì sinh kế, phải lo lắng phụ giúp gia đình Cha Mẹ, anh chị em hai bên mà sinh hoạt đang gặp quá nhiều khó khăn bởi chiến tranh càng lúc càng ác liệt khắp thôn quê, phải tản cư sống vất vưởng nơi vùng ngoại ô Bến Tre. Tâm hồn tôi trở nên bất an, mệt mỏi không làm được bài nào xem ra hồn. Sau biến cố tháng 4, 1975, bị đày đọa khổ sai biệt xứ trong ngục tù bạo quyền, trong điều kiện vô cùng nghiệt ngã dở sống, dở chết, tôi không thể và cũng không còn đủ sức để thơ thẩn gì nữa! Tuy vậy, trong những đêm dài “lửa cơ đốt ruột dao hàn cắt da” (Cung Oán Ngâm Khúc), co rút trong tấm chăn rách nát vừa chiến đấu ác liệt với lũ rận rệp cũng quá đói rét như mình, vừa tìm mọi cách chống chọi với luồng gió mùa Đông Bắc lạnh quái ác vô tình, không tài nào chợp mắt được, hình ảnh vợ yếu con thơ vẫn là những liều thuốc tiên nhiệm mầu nhất để giúp tôi hy vọng, phấn đấu sống còn! Tôi phải “lặng lẽ, lén lúc, âm thầm” ghi lại chút xúc cảm thực đau xót:   
...   
Vẫn thiếu anh mà vẫn có anh,   
Áo nào con đắp suốt năm canh?   
Trong từng giây phút, từng câu nói,   
Em dạy cho con sống thơm lành!   
Con nói ngây thơ: em cũng vui,   
Mà lòng thương nhớ anh không nguôi,   
Trong con cũng có anh âu yếm,   
Em vẫn thương yêu nhứt tiếng cười!   
(Nguồn Sống, 04-05-78 L.Tâm)   
Đó cũng chỉ là một cơn mơ bé nhỏ mong manh nổi trôi trong một góc trời cổ tích thanh bình của kiếp nào xa xôi mơ hồ mà thôi! Trong khi thực tế, vợ con tôi đang dần dần chết khô chết héo nơi điạ ngục trần gian:   
Vợ con còn chút da bọc xương,   
Bữa cháo, bữa rau, muối pha tương,   
Còng lưng cày cuốc trồng khoai sắn,   
Tóc cháy, da sần, áo gió sương!   
(Tủi Thân, L.Tâm)   
Đến khi được ra khỏi nhà tù nhỏ thì lại bị rơi vào cái nhà tù khổng lồ khác với đủ loại rình rập, khủng bố, đe dọa, kỳ thị, cô lập tinh vi, tàn bạo nhất. Cũng như đa số bạn bè, các đồng bào sa cơ thất thế, tôi chỉ còn như một hồn ma bóng quế dật dờ:   
Ta như ma đói, như lục bình,   
Trôi nổi dật dờ chết lặng thinh,   
Con ong, con kiến còn lên mặt,   
Giả điếc, giả câm dấu bất bình!   
(Tủi Thân, L.Tâm)   
Do đó, chỉ còn biết:   
Van nợ lắm khi trào nước mắt,   
Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi"   
(Tú Xương)   
Trong hoàn cảnh đó, hồn người cũng không còn nói chi hồn thơ! Đến cuối năm 1994, lúc mới sang định cư tại Hoa Kỳ, giống như con cá đang sống ở sông hồ nước ngọt bị quăng vào biển nước mặn, tôi thực bàng hoàng lo sợ cho tương lai của vợ con mình hơn là vui mừng vì được tự do:   
Xứ người lạ cỏ, lạ cây,   
Lạ ăn lạ uống, đêm ngày trở trăn!   
Ta như hạt cát sông Hằng,   
Mênh mông trong đục cũng bằng sắc, không!   
Trong vòng trời đất mênh mông,   
Đất lành chim đậu mà lòng chưa yên!   
Cũng may còn có vợ hiền,   
Ba con hiếu thảo, tạm quên lưu đày!   
(Đường Trần, L.Tâm)   
Với thời gian, những xúc cảm, chơi vơi hụt hẫng đau xót cho thân phận bọt bèo, nỗi nhớ thương quê hương làng xóm, mồ mả Cha Mẹ, Tổ Tiên cũng trở lại vị trí cân bằng, bão hòa. Rồi niềm hy vọng cho tương lai các con, chút không khí an bình tự do, chút tình người ấm áp của mảnh đất lành nầy... dần dần làm tôi cảm thấy được phần nào yên ổn trong tâm hồn vốn “rất thảo mộc", rất yếu đuối, quê mùa cuả mình! Từ đó, thi hứng lại len lén thức dậy nhẹ nhàng, êm ái trong tôi! Những ngày sáng chiều lang thang đón đợi xe bus đi, về, làm một công việc tuy tầm thường nhưng tương đối nhàn hạ vừa với tuổi già sức yếu, tôi lại bắt đầu gắn bó với thơ và cũng không khỏi ngậm ngùi cho thân phận nổi trôi của mình.   
Lỡ quan, lỡ thợ, lỡ thầy,   
Mưa hay lệ tiếc hình hài sắc, không?   
(Lẻ Loi, L.Tâm)   
Những bài thơ đầu tiên trong kiếp tha hương, tôi chỉ dám khoe với Nàng Tiên (mắc đọa), các con hiếu ngoan của mỉnh và người bạn hiền tri kỷ tri âm Nguyễn Điền Thạnh đang nghìn trùng xa cách ở Việt Nam mà thôi! Đầu xuân 1999, vừa dọn vào ngôi nhà mới có sân cỏ non phía trước, phiá sau, hoa anh đào nở rộ khoe duyên thực đẹp, thực mong manh, hiền dịu, đầm ấm, thanh cao dễ thương vô cùng, theo yêu cầu của con gái út Minh Thư, tôi đã “khai bút” bài “Vẫn là Thơ":   
Mua nhà nào dám đòi hoa,   
Trời thương: đào mọc trước nhà, sau sân!   
Ngày vui hoa nở mừng xuân,   
Nhớ chàng Từ Thức hai lần tìm tiên!   
Biết đâu nợ, biết đâu duyên?   
Mình nay lạc lối đào nguyên ai ngờ?   
Tha hương: đời vẫn là thơ,   
Đất lành chim đậu, hoa chờ đợi ta!   
Nàng Thơ và ba con đều thích thú, khen lấy, khen để: thực đúng là “chồng hát vợ vỗ tay, cha hát con khen hay!"   
Được trớn, lúc rảnh rang, tôi thường nắn nót thêm một số bài nữa. Mỗi ngày đi làm về, trong bữa cơm tối, có bài nào, câu nào mới, tôi đều đọc cho vợ con nghe để xin phê bình, góp ý. Vợ tôi vui lắm, thường chọn cho tôi nhiều chữ rất hay, đẹp, có khi còn cho bài thơ một cái tựa rất thích hợp, rất lãng mạn nữa! Những lúc đó lòng tôi vô cùng xúc động hạnh phúc, ấm áp tuyệt vời! Khi tôi đọc bài “Phong Trần” đến đoạn:   
"...Thì thôi...hết mộng hết mơ,   
Hết cơm, hết gạo, dật dờ nổi trôi!   
Tiếng cu vẫn gáy bồi hồi,   
Khu rừng Long Khánh một thời gác cu:   
Thương con chim nhỏ hiền từ,   
Tiếng kêu, tiếng gáy ngỡ như thanh bình!   
Nước trong, mây trắng, trời xanh   
Cũng không ngăn được chiến tranh, hận thù!   
Xuân nào trời đất âm u,   
Núi xương, sông máu, tội tù khổ dân ..."   
thì Nàng Thơ vội ngắt ngang bằng một tràng pháo tay giòn giả, rồi thỏ thẻ rót vào tai tôi: “Trời ơi! Anh làm thơ ngày càng hay quá, em thích quá... anh cố gắng nữa đi để dành lại chút quà kỷ niệm cho con cháu, người thân, bạn bè...” Tôi phồng cả mũi tưởng có thể bị vỡ tung ra được! Làm sao tôi có thể dám trái cái “lệnh” quá êm ái, quá tình tứ dễ thương đó? Nhưng thời gian nầy, tôi cũng chưa có được bao nhiêu bài đáng nhớ!   
Cuộc sống đang êm đềm thơ mộng, bỗng một tai họa thực khủng khiếp xảy ra cho gia đình tôi đúng ngày 11-09-1999, một năm trước vụ khủng bố New York và Ngũ Giác Đài Mỹ. Vợ tôi bị tai biến mạch máu não rất nặng tưởng không thể nào qua khỏi được! Tôi như chết chửa chôn. Các con tôi như ma đói, như lục bình thực sự rồi!   
Ngày xưa, Ông Hàn Dũ, một nhà phê bình rất nổi tiếng đời nhà Đường bên Trung Hoa, có nói: “Vật bất đắc kỳ bình tắc minh” ! Cũng vì thế, trong lời tựa nguyên bản chữ Hán truyện ngắn Kim Vân Kiều, tác giả Từ Văn Trường (4) đã viết một câu bất hủ nói lên nỗi bi phẩn tột cùng của mình để giải thích lý do khiến ông phải ghi chép lại câu chuyện thực quá thương tâm nầy:   
"Thúy Kiều dĩ tử, Thanh Đằng lão,   
Hận hải mang mang, hựu nhất thanh!"   
(Thúy Kiều đã chết rồi, Thanh Đằng quá già yếu,   
Bể hận quá mênh mông nên phải kêu to lên một tiếng!)   
Phải chăng cả hai câu trên đều nói lên, phản ảnh được cái tâm trạng tôi, cái hồn thơ quá bi thảm của tôi thời gian từ khi vợ tôi, gia đình tôi bị lâm vào hoàn cảnh hết sức khốn đốn, dở sống dở chết nơi xứ lạ quê người tứ cố vô thân? Cho đến nay dù được chạy chữa tận tình, chồng con hết lòng hết sức chăm sóc bằng sự hiếu thảo, tình nghĩa mà nhiều người quen biết còn tưởng là chỉ có trong các truyện cổ tích, đời xưa thôi, vợ tôi vẫn phải ngồi xe lăn, nói năng rất ít, rất khó, trí nhớ bị mất rất nhiều, không thể tự chủ sinh hoạt tối thiểu được. Khi ở bệnh viện, nursing home về, vợ tôi vẫn còn mang hai ống nhựa ở cổ và bụng! Hơn năm sau vẫn còn lửng đửng, lờ đờ, nửa tỉnh nửa mê! Tôi còn tệ hơn gà trống nuôi con! Cha con tôi đã tìm đủ mọi cách đánh thức cái trí óc thực thông minh, sáng suốt, cái giọng nói thực ngọt ngào, dịu dàng như chim hót đó, cái nụ cười thực ngây thơ, duyên dáng, thực tình tứ, thực như tiên đó... nhưng tất cả hầu như đều hoài công, tuyệt vọng! Cho đến một hôm, tình cờ tôi đọc cho Nàng nghe mấy câu trong bài “Tương Tư” của Nguyên Sa:   
"Có phải em mang trên áo bay,   
Hai phần gió thổi một phần mây,   
Hay là em gói mây trong áo,   
Rồi thở cho làn áo trắng bay?"   
Bỗng nhiên, như một phép lạ, Nàng Thơ quá mong manh khô héo, xác xơ cuả tôi đã bật cười thành tiếng thực vui, thực tuyệt vời như những ngày xưa lúc “Dù thương hôn tóc, khăn lau má... Ấm cả bàn chân, ấm cả tay...” (Làm Tiên, L.Tâm). Cha con tôi vội ôm chầm lấy Nàng mà khóc nức nở vì niềm vui quá lớn đến bất ngờ! Con gái út Minh Thư liền nói “Ngày xưa Ba Mẹ đã học chung Văn Khoa, câu chuyện giữa hai người đều toàn văn thơ, nhứt là thơ Nguyên Sa, làm sao Mẹ có thể quên hết được. Vậy, từ nay, Ba nên ráng đọc những bài thơ mà Ba đã từng đọc cho Mẹ nghe và Mẹ thích nhất, chắc chắn Mẹ sẽ vui hồi phục được!”. Tôi rất đồng ý với đứa con cưng hiếu thảo, rất mực thông minh nầy. Do đó, khi được ru trong những bài thơ tình đầy kỷ niệm ngọt ngào cuả hai đứa thời cùng trường, cùng lớp, cùng sách, vợ tôi dần dần được thuyên giảm một phần, trí óc có khá hơn đôi chút. Một hôm Minh Thư lại thỏ thẻ “ Ba đọc thơ Nguyên Sa, Xuân Diệu, Đinh Hùng cho Mẹ nghe đã có hiệu quả tốt rồi. Nhưng con nghĩ nếu chính Ba làm thơ nhắc lại những kỷ niệm hoa mộng êm đẹp của Ba Mẹ, an ủi Mẹ, thế nào Mẹ cũng thích và vui nhiều hơn nữa."   
Tôi rất cảm động khen ngợi suy nghĩ hợp lý, chu đáo của con nhưng rồi lại hẹn lần hẹn hồi mãi vì quá bận rộn: vừa lo chăm sóc vợ bệnh vừa phải lo quán xuyến nhà cửa cơm nước cho các con nhỏ suốt ngày đi học, đi làm rất vất vả.   
Một chiều cuối tuần, trong lúc Minh Thư cho Mẹ ăn cơm, tôi đọc 4 câu thơ:   
"Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu,   
Đợi gió xuân về để lả lơi,   
Hoa lá ngây tình không muốn động,   
Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi!”   
(Hàn Mặc Tử)   
Minh Thư rất ngạc nhiên vì cháu chưa hề nghe qua. Tôi phải giải thích, kể sơ tiểu sử Hàn Mặc Tử cho con biết. Minh Thư lại khuyến khích tôi làm thơ: “So với Hàn Mặc Tử, Ba còn đỡ khổ hơn nhiều. Ba nên cố làm thơ cho Mẹ vui, để dạy con học tiếng Việt, để Ba có chỗ giải trí... Con thường nghe người ta nói rằng khi một người không còn hy vọng gì, thú vui gì cả thì không thể sống được! Nay Ba đã bỏ hết rượu, thuốc lá, bia, cà phê, trà, bỏ cả tiếng cười rất giòn, rất hào sãng cuả Ba rồi... Ba phải làm thơ để bù vào chỗ trống đó, nếu không, con sợ lắm! “ Nghe những lời con trẻ rót vào lòng, tôi không cầm được nước mắt! Vợ tôi khóc theo! Từ đó, mỗi cuối tuần, ngày lễ, Minh Thư đều quanh quẩn ở nhà, dành hết mọi việc chăm sóc Mẹ, nấu nướng để Ba rảnh rang làm thơ! Cháu còn lo đánh máy sạch bản thảo, email gửi bài liên lạc với các bạn thơ của tôi nữa. Anh Chị cháu cũng tích cực phụ lo hết mọi việc trong ngoài. Tôi rất vui, rất yên tâm. Do vậy mới có được một số thơ Luân Tâm!   
Thế nhưng Luân Tâm là gì? Xin thưa: Luân là tên của vợ tôi (Bùi Thị Luân). Tâm là lòng. Cả hai chúng tôi có chung một tâm hồn, một tấm lòng. Do đó thơ tôi cũng chính là tâm hồn của Nàng dành cho tôi và các con, là tình yêu thương vô bờ bến của tôi dành cho Nàng, Nàng Tiên mãi mãi đẹp tuyệt vời, người vợ   
hiền “vượng phu ích tử” mà nhiều lần tôi đã phải ngạc nghiên tự hỏi:   
Tu bao nhiêu kiếp anh mới được,   
Thơ thẩn cùng em kể chuyện lòng ?   
(Một Chút Son Môi, L.Tâm)   
Tôi đã nghẹn ngào, âu yếm van xin:   
Em ơi! Em vẫn là tiên nữ,   
Đừng bỏ anh đi lạnh một mình!   
(Tình Tứ, L.Tâm)   
Chữ Tâm cũng là tên mà ân sư Thi Sĩ Đông Hồ đã đặt cho tôi khi mới vào Đại Học Văn Khoa Sàigòn. Thấy tôi quê mùa, hiền lành nhưng rất chăm học, Thầy rất thương quý, nói rằng tên Tám có vẻ không được thanh nhã! Thầy chỉ thêm cho một nét dấu nhỏ thành ra chữ Tâm. Văn Tâm là tấm lòng trong sáng “rất thích hợp với nhân cách của con mà cũng đẹp lắm!”... Thực ngậm ngùi... “Đời người như kiếp phù du... sớm còn tối mất, công phu lỡ làng!” (Ca Dao). Mới ngày nào... có những buổi chiều nhạt nắng, Thầy Đông Hồ ân cần tiếp tôi tại ngôi biệt thự yên tĩnh ở ngoại ô Gia Định, nơi chiếc ghế trường kỷ cổ kính, bên cạnh búp trầm hương hình trái núi khói tỏa nhè nhẹ thơm ngát mơ màng, nửa thực nửa tiên! Giọng nói của Thầy như thơ, nét chữ rồng bay phượng múa trôi nhẹ bồng bềnh trên tờ giấy đỏ để phút chốc đã thành đôi câu đối thực trang nhã, thâm thúy, hoặc trên các tờ giấy trắng muốt để hóa ra các bức “thư họa” độc đáo tuyệt vời, có điểm thêm ít cành mai, cành đào hay phong lan mềm mại, cao sang, thoát tục!   
Xin phép được nói thêm: trong hoàn cảnh bi đát quá ngặt nghèo của riêng mình, từ khi vợ tôi lâm bạo bệnh, tôi đã cắt đứt hết mọi liên lạc với thế giới bên ngoài, cố dành chút hơi tàn sức kiệt để có thể toàn tâm toàn ý lo chăm sóc Nàng và thay Nàng nuôi dạy   
ba con thơ. Nhiều khi có chuyện buồn khổ xảy ra cho gia đình, các người thân yêu ruột thịt, bạn thiết xa gần, tôi đều phải đành giấu kín riêng trong lòng, sợ vợ tôi hay biết có hại cho bệnh tình “Điệu buồn anh giữa riêng anh... Điệu vui anh vẫn để dành cho em!” (L.Tâm). Nhìn trước, nhìn sau, không ai có thể chia xẻ, tâm sự những xót đau, bi phẩn vô bờ bến ! Do đó, tôi càng có nhu cầu bức thiết đến với Thơ như một cách thế, một nơi chốn để giải tỏa bớt những suy tư, tình cảm đang oằn oại không lối thoát, một cách tự an ủi, tự kể lể hàn huyên với đôi chút ước mơ thực bé nhỏ mong manh...   
Mỗi khi làm thơ, đọc lại thơ mình, tôi luôn luôn tự thấy hổ thẹn vì còn quá non kém, không bao giờ dám tự hài lòng! Tôi vẫn tự biết mình đã quá quê mùa, hủ lậu, “ếch ngồi đáy giếng” nên lại càng thêm phân vân, e ngại! Tôi thường hay giật mình lo sợ nhớ lời dạy của cụ Tú Xương: “Văn chương nào phải là đơn thuốc(?)... Chớ có khuyên xằng: chết bỏ bu!".   
Chính vì thế, các bài thơ vì thương vợ, thương con, thương Cha Mẹ, bè bạn, làng quê, kỷ niệm vui buồn, thương thân tủi phận mình mà hình thành được, tôi chỉ dám đọc cho vợ con nghe mà thôi! Mãi cho đến năm 2005, bệnh tình của vợ tôi có vẻ đỡ hơn được đôi chút, các con tương đối trưởng thành hơn phần nào, tôi đã gửi ít bài cho anh Lê Văn Bỉnh đăng vào Tạp Chí Hành Chánh Miền Đông của Hội Cựu Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh Miền Đông Hoa Kỳ. Kế đó, quý anh Lê Văn Bỉnh, Dương Quân, Nguyễn Ngọc Liên đã rủ tôi tham gia vào “Tuyển Tập Thơ Quốc Gia Hành Chánh “ (5) . Cũng trong thời gian nầy, anh Dương Quân, vì mối đồng cảm sâu xa, tình đồng môn tốt đẹp đã giới thiệu thơ tôi lên website Diễn Đàn Cựu Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh ĐS14. Từ đó, tôi được quen thêm một số đồng môn bạn văn thơ rất quý đã tích cực an ủi, nâng đỡ, khuyến khích tôi như quý anh Vũ Công Hùng (Mao Tôn Hùng Vũ, Webmaster website ĐS14) Lan Đàm, Trần Kiêu Bạc, Nguyễn Đình Đức, Nguyễn Bửu Thoại & Ngọc Sương, Phạm Thành Châu, Trương Thúy Hậu, Nguyễn Thế Vĩnh, Nguyễn Trọng Đạt, Nguyễn Phụng, Lâm Thanh (Lâm Thành Hổ), Nguyên Trần (Nguyễn Tấn Phát), Trần Bạch Thu, Hoàng Hoa, Lãm Thuý, Như Thương...v.v... Những ân tình đó tôi không bao giờ dám lãng quên.   
  
Đặc biệt, tôi còn may mắn được quen thân một bạn láng giềng rất tốt bụng, hiền hoà, nho nhã, một bực thầy là thi họa sĩ Vũ Hối. Anh đã tốn nhiều công sức, thì giờ quý báu để hướng dẫn, vẽ tranh bìa, thư họa phụ bản, cảm đề thơ & thư họa tặng cho Thi Tập. Nếu không có sự giúp đỡ vô cùng quý báu đó, chắc chắn tôi không thể nào khai sanh được đứa con tinh thần đầu lòng của mình!   
  
Rốt cuộc tôi cũng đã vượt qua được rất nhiều khó khăn khách quan và chủ quan... Sau thời gian ngại ngùng, đắn đo, ray rứt, nhìn bóng chiều tàn mùa đông đất khách quê người, không khỏi xót xa ngậm ngùi... vì tấm lòng ưu ái của vợ con, thân hữu xa gần, tôi đành thử liều “ăn gan hùm, uống mật gấu” gom góp, chọn lọc một số thơ có vẻ ít thô thiển nông cạn nhất, sửa chữa, sắp xếp tạm thành “Hương Áo” như chút kỷ niệm, chút quà mọn cho người thân và bạn thiết... thế thôi! Nếu may mắn có thêm được độc giả nào, vì yêu tiếng mẹ đẻ, không nỡ chê bai, thương để mắt xanh đến, thì thực là “tam sinh hữu hạnh” cho tôi vậy!   
  
Cuối cùng, xin cho phép tôi được gởi lời cám ơn chân thành nhất, trân trọng nhất đến tất cả quý độc giả đã chịu khó dành chút thì giờ quí báu để thăm viếng khu vườn thơ mong manh, nghèo nàn, bé nhỏ, quê mùa và rộng lượng có chút đồng cảm với những mảnh hồn tuy vụn vặt, non nớt nhưng rất chân thành của tôi!   
  
Maryland ngày 19 tháng 11, năm 2006.   
Thân kính,   
LUÂN TÂM   
  
**Ghi Chú:**  
1) Câu nầy có ghi trong bài tựa quyền “Hồi Ký Năm Mươi Năm Mê Hát” của Thầy Vương Hồng Sển.   
2) Sau đổi tên là Trường Lê Ngọc Hân, Mỹ Tho.   
3) Phan Văn Tám, “Thẩm Quyên Tổng Thống Đệ Nhị Cộng Hoà Việt Nam", Luận Văn Tốt Nghiệp Ban Cao Học Khóa 3 Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Sàigòn, 1969.   
4) Từ Văn Trường còn có bút hiệu khác là Thanh Tâm Tài Nhân, Thanh Đằng. Ông là người tình cũ ở ngoài đời thật của Thúy Kiều. Ông vô tình (không rõ gian kế) giúp Tổng Đốc Hồ Tôn Hiến, xúi giục Thuý Kiều thuyết phục Từ Hải chịu qui hàng, bị chết thảm thương! Ông thực sự muốn giúp Thúy Kiều có được cuộc sống yên ổn lâu dài mà hóa ra haị nàng! Về sau Ông quá phẩn uất, quá đau khổ phát cuồng: tự chọc thủng tai, làm mù mắt mình! (Theo Giảng Văn “Nguồn Gốc Truyện Kiều” của Giáo Sư Bửu Cầm, Đại Học Văn Khoa Sàigòn 1962).   
5) Tuyển Tập Thơ Quốc Gia Hành Chánh, Hoài Bảo Quê Hương xb, California, USA 2005.   
(Trích trong TT ”HƯƠNG ÁO”,MinhThư xb, MD/USA.2007,tr.17-35)

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn: Tác giả / VNthuquan - Thư viện Online  
Được bạn: Ct.Ly đưa lên  
vào ngày: 16 tháng 11 năm 2010